

GÓP PHẦN NGHIÊN CỨU KHU HỆ THÚ LÀM CƠ SỞ KHOA HỌC

CHO QUẢN LÝ THÚ HOANG DÃ Ở TỈNH QUẢNG NGÃI

1. Họ và tên nghiên cứu sinh: NGUYỄN THANH TUẤN
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 15/8/1975
4. Nơi sinh: Quảng Ngãi
5. Quyết định công nhận nghiên cứu sinh: số 2259/SĐH ngày 07/12/2006 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Các thay đổi trong quá trình đào tạo: Không
7. Tên đề tài luận án: "Góp phần nghiên cứu khu hệ thú làm cơ sở khoa học cho quản lý thú hoang dã ở tỉnh Quảng Ngãi"
8. Chuyên ngành: Động vật học
9. Mã số: 62 42 10 01
10. Cán bộ hướng dẫn khoa học: GS.TS Lê Vũ Khôi
11. Tóm tắt các kết quả mới của luận án:
 - Cung cấp danh lục các loài thú đầy đủ nhất từ trước đến nay, trong đó phát hiện, bổ sung cho KHT Quảng Ngãi 49 loài thuộc 15 giống, 2 họ và các tư liệu khoa học về độ đa dạng thành phần loài, sự phân bố, giá trị bảo tồn, đặc trưng địa lí động vật học khu hệ thú hoang dã tỉnh Quảng Ngãi.
 - Khẳng định 4 loài thú bị đe dọa cao phân bố trong tỉnh Quảng Ngãi: Chà vá chân xám (*Pygathrix cinerea*) với số lượng lớn, lần đầu tiên ghi nhận Cây văn bắc (*Chrotogale owstoni*), Mang lớn (*Muntiacus vuquangensis*) và Mang Trường Sơn (*Muntiacus truongsonensis*) phân bố ở Quảng Ngãi.
 - Xác định được các nguyên nhân làm suy giảm đa dạng các loài thú hoang dã và đề xuất một số giải pháp quản lý, bảo tồn các quần thể thú vùng nghiên cứu và thành lập khu bảo tồn thiên nhiên.
12. Khả năng ứng dụng trong thực tiễn.

Những kết quả nghiên cứu là cơ sở khoa học giúp cho địa phương đề ra giải pháp quản lý, bảo tồn và sử dụng bền vững thú hoang dã ở tỉnh Quảng Ngãi; giúp người dân địa phương hiểu rõ hơn nguồn tài nguyên thú của vùng và góp phần bảo vệ nguồn tài nguyên thú hoang dã của vùng nghiên cứu.

13. Các hướng nghiên cứu tiếp theo.

- Tiếp tục nghiên cứu hiện trạng khu hệ thú khu vực Nam Ba Tư để có cơ sở khoa học hơn cho việc đề xuất thành lập khu Bảo tồn thiên nhiên ở khu vực này.

- Nghiên cứu kết hợp giữa du lịch sinh thái – lịch sử “Di tích kiến trúc Trường Lũy Quảng Ngãi” (di tích lịch sử – văn hóa cấp quốc gia) với bảo tồn đa dạng sinh học nói chung và đa dạng các loài thú nói riêng.

14. Các công trình công bố liên quan đến luận án.

1. Nguyễn Thanh Tuấn, Lê Vũ Khôi (2009), “Danh lục các loài thú (Mammalia) đã ghi nhận được ở tỉnh Quảng Ngãi và giá trị bảo tồn của chúng”, Báo cáo khoa học về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật Hội nghị khoa học toàn quốc lần thứ ba, NXB Nông nghiệp, Hà Nội, tr. 868 – 874.

2. Nguyen Thanh Tuan, Le Vu Khoi, and Le Khac Quyet (2010), “New data on the distribution of grey – shanked duoc langurs (*Pygathrix cinerea*) in Quang Ngai province, Vietnam”, Conservation of Primates in Indochina, Frankfurt Zoological Society – Vietnam Primate Conservation Program Endangered Primate Rescue Center, Cuc Phuong National Park and Conservation International, Indo – Burma Program, Hanoi, pp. 63 – 69.

3. Nguyễn Thanh Tuấn, Lê Vũ Khôi (2010), “Tính đa dạng và giá trị bảo tồn của khu hệ thú ở huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi”, Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 17, tr. 83 – 89.

4. Nguyễn Thanh Tuấn, Lê Vũ Khôi (2010), “Danh lục các loài thú ở huyện Ba tư tỉnh Quảng Ngãi và ý nghĩa bảo tồn nguồn gen quý hiếm của chúng”, Tạp chí Khoa học, Các ngành khoa học tự nhiên, trường Đại học Vinh 39(4A), tr. 85 – 95.

5. Nguyễn Thanh Tuấn, Lê Vũ Khôi (2011), “Đa dạng khu hệ thú ở huyện Trà Bồng tỉnh Quảng Ngãi và giá trị bảo tồn của chúng”, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học tự nhiên và Công nghệ 27(2), tr. 134 – 142.

6. Nguyễn Thanh Tuấn, Lê Vũ Khôi (2011), “Thú ăn thịt nhỏ và loài Cây vằn bắc (*Hemigalus owstoni* Thomas, 1912) ở tỉnh Quảng Ngãi”, Báo cáo khoa học về Sinh thái và tài nguyên sinh vật Hội nghị khoa học toàn quốc lần thứ tư, NXB Nông nghiệp, Hà Nội, tr. 430 - 435.